

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Dạy học là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, quản lý nhà trường thực chất là quản lý hoạt động dạy học.

Môn Vật Lí là một trong những môn học chính của chương trình giáo dục phổ thông. Học sinh được học Vật Lí ngay từ năm lớp 6. Trong các kỳ thi tốt nghiệp hay thi tuyển vào các trường chuyên nghiệp, môn Vật Lí bao giờ cũng được lựa chọn là môn thi. Do đó, nâng cao chất lượng dạy học môn Vật Lí là một nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý nhà trường phổ thông. Vì vậy, quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng dạy học bộ môn nói riêng và chất lượng giáo dục trong nhà trường nói chung. Quản lý tốt hoạt động dạy học môn Vật Lí sẽ có những đóng góp thiết thực cho việc nâng cao chất lượng dạy học và qua đó nâng cao chất lượng giáo dục của trường phổ thông, giúp nhà trường đạt được mục tiêu giáo dục đã xác định.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, tôi chọn nghiên cứu đề tài: ***“Quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí tại các trường THPT của quận Hoàng Mai”***

2. Mục đích nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu lý luận và tìm hiểu, phân tích thực trạng dạy học môn Vật Lí ở 3 trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai (trong đó có trường đứng đầu, giữa và cuối trong quận) để có thể đề xuất những biện pháp quản lý dạy học bộ môn Vật Lí nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học này, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục của các trường.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lý hoạt động dạy học nói chung và quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai- Hà Nội.

4. Giả thuyết khoa học

Các trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai đã quan tâm quản lý dạy học môn Vật Lí, vì Vật Lí có vị trí quan trọng trong chương trình giáo dục. Tuy nhiên, chất lượng dạy học môn Vật Lí cũng còn nhiều hạn chế. Nếu phân tích làm rõ những đặc thù của quản lý dạy học môn Vật

Lí, chỉ ra các bất cập trong quản lý dạy học môn học này thì có thể đề ra được các biện pháp lý phù hợp, có hiệu quả hơn và chất lượng dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai sẽ được cải thiện.

5. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

5.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xác định và thiết lập cơ sở lý luận của quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở trường trung học phổ thông.

- Khảo sát và đánh giá thực trạng dạy học và quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai, Hà Nội.

- Đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí để nâng cao chất lượng dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT tại quận Hoàng Mai, Hà Nội.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài được nghiên cứu, khảo sát tại 3 trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai, Hà Nội bao gồm: THPT Hoàng Văn Thụ, THPT Việt Nam - Ba Lan, THPT Trương Định.

- Đề tài chỉ sử dụng các số liệu thống kê về giáo dục THPT và về các trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai, Hà Nội một vài năm trở lại đây.

- Hoạt động học của học sinh có thể được thực hiện ở nhà, nhưng trong đề tài này, các nội dung nghiên cứu chỉ giới hạn trong phạm vi dạy học trên lớp trong giờ chính khóa của các trường

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

- Tìm hiểu các thuật ngữ có liên quan đến đề tài.

- Phân tích, tổng hợp các tài liệu lý luận (các văn bản, nghị quyết của Đảng, các văn bản pháp quy về giáo dục và đào tạo (GD & ĐT) của nhà nước, các công trình nghiên cứu

6.2. Phương pháp điều tra

Bằng việc xây dựng hệ thống câu hỏi điều tra theo những nguyên tắc và nội dung chủ định của người nghiên cứu, phương pháp này được sử dụng với mục đích chủ yếu là thu thập các số liệu nhằm minh chứng thực trạng dạy học và quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT trên địa bàn quận Hoàng Mai, Hà Nội.

6.3. Phương pháp chuyên gia

Bằng việc soạn thảo hệ thống các câu hỏi về tính hợp lý và khả thi của các giải pháp quản lý gửi tới các chuyên gia (các CBQL trường THPT, lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể của trường THPT), phương pháp này được sử dụng với mục đích xin ý kiến của các chuyên gia về tính hợp lý và khả thi của các giải pháp quản lý được đề xuất.

6.4. Các phương pháp hỗ trợ khác

Sử dụng một số phần mềm tin học.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở trường Trung học phổ thông;

Chương 2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí tại các trường THPT quận Hoàng Mai, Hà Nội;

Chương 3. Biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí tại các trường THPT quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN VẬT LÍ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Đối với môn Vật Lí ở trường phổ thông, nhiều công trình nghiên cứu của nhiều chuyên gia cũng đã đề cập ít nhiều về phương diện quản lý quá trình dạy học môn Vật Lí sao cho có hiệu quả nhất. Từ việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đi trước, chúng tôi đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận, khảo sát thực trạng hoạt động dạy học và quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí, đề xuất biện pháp hoạt động dạy học môn Vật Lí tại các trường THPT của quận Hoàng Mai, Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.

1.2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài

1.2.1. Quản lý, quản lý giáo dục và quản lý dạy học môn Vật Lí

1.2.1.1. Quản lý

1.2.1.2. Quản lý giáo dục

1.2.1.3. Quản lý nhà trường

1.2.1.4. Quản lý dạy học

1.2.1.5. Quản lý dạy học môn Vật Lí

1.2.2. Chức năng quản lý và quản lý giáo dục

- + Chức năng lập kế hoạch.
- + Chức năng tổ chức.
- + Chức năng chỉ đạo.
- + Chức năng kiểm tra.

Có 3 yếu tố cơ bản của công tác kiểm tra.

- Xây dựng chuẩn để thực hiện.
- Đánh giá việc thực hiện dựa trên chính sách so với chuẩn.
- Nếu kết quả hoạt động có sự chênh lệch so với chuẩn thì cần điều chỉnh hoạt động để đạt hiệu quả mong muốn..

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ chức năng của quản lý

1.2.3. *Dạy học và hoạt động dạy học*

1.2.3.1. *Dạy học*

1.2.3.2. *Hoạt động dạy học*

1.2.3.4. *Hoạt động dạy học môn Vật Lí*

1.2.4. *Biện pháp*

1.3. *Đặc điểm môn Vật Lí trong chương trình giáo dục THPT*

1.3.1. *Trường Trung học phổ thông*

1.3.1.1. *Vị trí của trường THPT trong hệ thống giáo dục quốc dân*

1.3.1.2 *Mục tiêu phát triển giáo dục THPT*

1.3.2. *Vị trí, vai trò của môn Vật Lí trong chương trình giáo dục THPT*

1.3.3. *Mục tiêu dạy học môn Vật Lí ở trường THPT*

1.3.4. *Nội dung cơ bản của chương trình môn Vật Lí cấp THPT*

1.3.4.1. *Những định hướng chung của chương trình Vật Lí học THPT*

1.3.4.2. *Những định hướng cụ thể của chương trình Vật Lí học THPT*

1.4. *Nội dung quản lý dạy học môn Vật Lí ở trường THPT*

1.4.1. *Quản lý mục tiêu và việc thực hiện chương trình môn học*

1.4.2. *Quản lý hoạt động dạy của giáo viên*

1.4.3. *Quản lý hoạt động học của học sinh*

1.4.4. *Quản lý đổi mới phương pháp dạy học*

1.4.5. *Kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học môn Vật Lí*

1.4.6. *Quản lý thiết bị dạy học bộ môn Vật Lí*

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học môn Vật Lí trong trường THPT

1.5.1. Tác động của điều kiện kinh tế- xã hội

1.5.2. Đặc điểm tâm lý học sinh THPT

1.5.3. Đặc thù và yêu cầu của môn Vật Lí

1.5.4. Đội ngũ giáo viên dạy Vật Lí

Tiểu kết chương 1

Trong nhà trường trung học phổ thông môn Vật Lí một có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng. Hoạt động dạy học còn là hoạt động đặc thù của nhà trường phổ thông, nó được quy định bởi đặc thù lao động sư phạm của người giáo viên. Công tác quản lý HĐDH giữ vai trò trọng tâm, trong đó công tác quản lý HĐDH môn Vật Lí giữ vai trò quan trọng trong nhà trường.

Từ những cơ sở lý luận đó nhà quản lý sẽ có cái nhìn tổng quát nhất, đánh giá đúng thực trạng quản lý HĐDH môn Vật Lí các trường THPT quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN VẬT LÍ Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI

2.1. Giáo dục trung học phổ thông tại quận Hoàng Mai, Hà Nội

**Bảng 2.1: Các loại hình trường THPT năm học 2016-2017
quận Hoàng Mai**

| STT | Loại hình trường | Tổng số trường | Tổng số HS |
|------------------|--------------------------|----------------|-------------|
| 1 | Công lập | 3 | 4182 |
| 2 | Dân lập | 3 | 1458 |
| 3 | Công Lập tự chủ | 2 | 1268 |
| 4 | GD thường xuyên (Bổ túc) | 1 | 650 |
| Tổng cộng | | 9 | 7558 |

Khái quát về các trường THPT được nghiên cứu

Tôi đã nghiên cứu đánh giá thực trạng các biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở 3 trường THPT công lập trên địa bàn quận Hoàng Mai gồm:

- Trường THPT Hoàng Văn Thụ
- Trường THPT Việt Nam - Ba Lan
- Trường THPT Trương Định

Bảng 2.2: Đội ngũ cán bộ quản lý ở 03 trường THPT quận Hoàng Mai

| TT | Tên trường | BGH | Nữ | Đảng viên | Trình độ chuyên môn | Số năm Tham gia QL | Đã qua lớp thạc sĩ QL GD | Độ tuổi | | | | | |
|----|------------------------|-----|----|-----------|---------------------|--------------------|--------------------------|---------|-----|------------|-------------|-------------|---------|
| | | | | | | | | Trên ĐH | Đ H | Từ 1-5 năm | Từ 5-10 năm | Trên 10 năm | Dưới 45 |
| 1 | THPT Hoàng Văn Thụ | | 4 | 2 | 4 | 4 | | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 |
| 2 | THPT Việt Nam - Ba Lan | | 4 | 2 | 4 | 4 | | 2 | 2 | 0 | 1 | 2 | 2 |
| 3 | THPT Trương Định | | 4 | 2 | 4 | 4 | | 2 | 2 | 0 | 1 | 2 | 2 |

(Nguồn: Thống kê từ 03 trường)

Bảng 2.3: Thực trạng số lượng và trình độ giáo viên

| Trình độ | Năm học 2015-2016 | Năm học 2016-2017 | | | | |
|----------|-------------------|-------------------|---------|-----|-----|---------|
| | | HVT | VN - BL | TĐ | HVT | VN - BL |
| Đại học | 114 | 113 | 106 | 114 | 113 | 106 |

| | | | | | | |
|----------|----|----|----|----|----|----|
| Thạc Sĩ | 38 | 48 | 38 | 40 | 50 | 40 |
| Cao đẳng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

(Nguồn: thống kê từ 03 trường)

Bảng 2.4: Số lớp học của 3 trường THPT tại quận Hoàng Mai

| Năm học | HVT | VN - BL | TĐ |
|-----------|-----|---------|----|
| 2014-2015 | 30 | 28 | 24 |
| 2015-2016 | 30 | 28 | 24 |
| 2016-2017 | 30 | 28 | 24 |

(Nguồn: thống kê từ 03 trường)

Bảng 2.5: Số lượng học sinh từ 2014 đến 2017

| Năm học | HVT | VN - BL | TĐ |
|-----------|------|---------|------|
| 2014-2015 | 1800 | 1710 | 980 |
| 2015-2016 | 1890 | 1764 | 1200 |
| 2016-2017 | 1890 | 1764 | 1260 |

(Nguồn thống kê từ 03 trường)

Bảng 2.6: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp từ 2014 đến 2016

| Năm học | HVT | | VN -BL | | TĐ | | | |
|-----------|-----|-----|--------|-----|-----|-----|------|--|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | |
| 2015-2016 | | 630 | 100 | 588 | 100 | 420 | 99,5 | |
| 2016-2017 | | 630 | 100 | 588 | 100 | 420 | 99,7 | |

(Nguồn thống kê từ 03 trường)

Bảng 2.7: Cơ sở vật chất lớp học từ 2014 đến 2016

| Năm học | HVT | | VN - BL | | TĐ | | | |
|-----------|-----|---------|----------|---------|----------|---------|----------|--|
| | | Lớp học | Số phòng | Lớp học | Số phòng | Lớp học | Số phòng | |
| 2014-2015 | | 45 | 30 | 36 | 28 | 30 | 24 | |
| 2015-2016 | | 45 | 30 | 36 | 28 | 30 | 24 | |
| 2016-2017 | | 45 | 30 | 36 | 28 | 30 | 24 | |

(Nguồn thống kê từ Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

2.2. Thực trạng quản lý dạy học môn Vật Lí tại các trường THPT quận Hoàng Mai, Hà Nội

2.2.1. Thực trạng dạy học môn Vật Lí ở các trường

Tác giả nghiên cứu thực trạng dạy hoạt động dạy học môn Vật Lí tại ba trường THPT quận Hoàng Mai gồm:

- THPT Hoàng Văn Thụ
- THPT Việt Nam - Ba Lan
- THPT Trương Định

2.2.1.1 Đội ngũ giáo viên dạy Vật Lí

Có thể hiểu đội ngũ giáo viên dạy Vật Lí của 3 trường qua bảng thống kê sau:

Bảng 2.8: Thống kê đội ngũ giáo viên dạy Vật Lí năm 2015-2016

| TT | Trường | SL | Nữ | Tuổi | | Trình độ | | | | | |
|----|---------|----|----|-------|------|----------|-------|-------|-----|-------|-----|
| | | | | i đời | Nghề | <35 | 36-45 | 46-60 | <10 | 10-30 | >30 |
| 1 | HVT | 23 | 12 | 5 | 10 | 8 | 5 | 11 | 7 | 12 | 10 |
| 2 | VN - BL | 17 | 14 | 3 | 9 | 5 | 4 | 10 | 3 | 7 | 10 |
| 3 | TĐ | 15 | 10 | 3 | 8 | 4 | 3 | 8 | 4 | 11 | 4 |

(Nguồn thống kê từ 03 trường)

2.2.1.2. Chất lượng học sinh

Bảng 2.9: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh các năm 2014 - 2017

| Trường | Năm học | Học lực (%) | Hạnh kiểm | | | | | | | |
|---------------|-----------|-------------|-----------|-----|----|-----|------|-----|-----|----|
| | | | Giỏi | Khá | TB | Yếu | Kém | Tốt | Khá | TB |
| HOÀNG VĂN THỤ | 2014-2015 | 70,5 | 26,5 | 3 | 0 | 0 | 95,5 | 4,5 | 0 | 0 |
| | 2015-2016 | 75,5 | 23,5 | 1 | 0 | 0 | 97,2 | 2,8 | 0 | 0 |
| | 2016-2017 | 78,8 | 21,2 | 0 | 0 | 0 | 97,8 | 2,2 | 0 | 0 |

| Trường | Năm học | Học lực (%) | Hạng kiểm | | | | | | | |
|-------------------|-----------|-------------|-----------|------|-----|-----|-------|------|-----|----|
| | | | Giỏi | Khá | TB | Yếu | Kém | Tốt | Khá | TB |
| Việt Nam - Ba Lan | 2014-2015 | 35,8 | 61,5 | 2,7 | 0 | 0 | 90,5 | 8,5 | 1 | 0 |
| | 2015-2016 | 40,3 | 57,5 | 2,2 | 0 | 0 | 95,5 | 4,5 | 0 | 0 |
| | 2016-2017 | 50,8 | 48,9 | 0,3 | 0 | 0 | 95,7 | 4,3 | 0 | 0 |
| Trường Định | 2014-2015 | 22,5 | 50,5 | 27,0 | 0 | 0 | 69,8 | 20,5 | 9,7 | 0 |
| | 2015-2016 | 27,3 | 50,8 | 21,9 | 0 | 0 | 89,3 | 10,3 | 0,4 | 0 |
| | 2016-2017 | 32,1 | 57,4 | 10,1 | 0,4 | 0 | 94,15 | 5,55 | 0,3 | 0 |

(Nguồn thống kê từ 03 trường)

Bảng 2.10: Số lượng học sinh tham dự kỳ thi học sinh giỏi Vật Lí cấp thành phố 2 năm học qua

| Trường | Năm học 2015 - 2016 | Năm học 2016 – 2017 | | | | | | | |
|-------------------|---------------------|---------------------|-----|----|--------------|------|-----|----|--------------|
| | | Nhất | Nhì | Ba | Khuyến khích | Nhất | Nhì | Ba | Khuyến khích |
| HOÀNG VĂN THỤ | | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| VIỆT NAM - BA LAN | | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| TRƯỜNG ĐỊNH | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

(Nguồn thống kê: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội).

Bảng 2.11: Kết quả của các kỳ thi tốt nghiệp từ 2014 - 2016

| Trường | Năm học 2015 - 2016 | Năm học 2016 – 2017 | | | |
|--------|---------------------|---------------------|---|----------|---|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % |
| | | | | | |

| | | | | |
|------------------|-----|------|-----|------|
| HOÀNG VĂN THỤ | 630 | 100 | 630 | 100 |
| VIỆT NAM -BA LAN | 588 | 100 | 588 | 100 |
| TRƯƠNG ĐỊNH | 420 | 99,5 | 420 | 99,7 |

(Nguồn thống kê: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội).

Bảng 2.12: Kết quả điểm thi môn Vật Lí tại các kỳ thi tốt nghiệp từ 2015-2017

| Năm học | Tổng số thí sinh | Điểm nhỏ hơn 5 | Điểm từ 6 - 7,5 | Điểm từ 8 - 10 | | | |
|------------|------------------|----------------|-----------------|----------------|-------|----------|-------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % |
| 2015 -2016 | 1638 | 182 | 11,11 | 1064 | 64,98 | 392 | 23,91 |
| 2016-2017 | 1638 | 112 | 6,84 | 1110 | 67,76 | 416 | 25,4 |

(Nguồn: số liệu của 03 trường).

Những con số trên cũng rất phù hợp với số liệu đã thống kê về lực học của học sinh, tỷ lệ học sinh có lực học trung bình cao, trong số này thì hầu hết các em đều học yếu về môn Vật Lí. Chính vì vậy, số lượng điểm thi môn Vật Lí còn thấp chiếm tỷ lệ lớn cũng là điều phù hợp. Do đó, muốn chất lượng học tập được nâng cao chúng ta cần có biện pháp làm sao để nâng cao kết quả học tập môn Vật Lí. Học sinh học tốt môn Vật Lí thì đồng thời với điều đó các em sẽ có một lối tư duy khoa học, sáng tạo, dễ dàng trong việc tiếp thu kiến thức của những môn học khác.

Bảng 2.13: Chất lượng học môn Vật Lí

| Trường | Năm học 2015 - 2016 (%) | Năm học 2016 - 2017 (%) | | | | | | | | | |
|---------------|-------------------------|-------------------------|------|----|-----|-------|------|------|----|-----|-----|
| | | Giỏi | Khá | TB | Yếu | Kém | Giỏi | Khá | TB | Yếu | Kém |
| Hoàng Văn Thụ | 65,49 | 25,05 | 9,01 | 0 | 0 | 63,25 | 32,3 | 4,45 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | | | | |
|-------------------|-----------|-------|-----------|------|---|-------|-------|-------|------|---|
| Việt Nam - Ba Lan | 55,5 5 | 30,2 | 14,2 5 | 0 | 0 | 57,63 | 37,4 | 4,97 | 0 | 0 |
| Trương Định | 47,8 | 23,62 | 13,5 | 5,08 | 0 | 40,23 | 35,01 | 23,02 | 1,77 | 0 |

(Nguồn thống kê từ số liệu nhà trường)

Bảng thống kê chất lượng học tập môn Vật Lí cho thấy tỷ lệ học sinh giỏi Vật Lí còn chưa cao, tập trung vào trường điểm, trong khi tỷ lệ học sinh trung bình và yếu còn rất cao, những trường vùng xa trung tâm thậm chí gần 50% học sinh xếp loại trung bình. Vì vậy, việc học môn Vật Lí đối với học sinh là vô cùng khó khăn. Do đó, tìm ra một phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học sinh là điều vô cùng quan trọng đối với giáo viên.

2.2.1.3. Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy học môn Vật Lí

Bảng 2.14: Thực trạng CSVC phục vụ dạy và học năm học 2015 - 2016

| Trường | Phòng kiên cố | Phòng cấp 4 | Phòng bộ môn | Thư viện | Phòng thí nghiệm | Phòng máy |
|------------------|---------------|-------------|--------------|----------|------------------|-----------|
| Hoàng Văn Thụ | 28 | 0 | 6 | 1 | 3 | 4 |
| Việt Nam -Ba Lan | 28 | 0 | 6 | 1 | 3 | 4 |
| Trương Định | 24 | 0 | 6 | 1 | 3 | 4 |

(Nguồn thống kê từ 03 trường)

Nhìn vào bảng thống kê cơ sở vật chất ta thấy điều đáng mừng là cả ba trường số lượng phòng học kiên cố, đủ tiêu chuẩn đều lớn, có được điều này là do được đầu tư xây phòng học mới từ nguồn kinh phí của nhà nước. Tuy nhiên phòng học bộ môn còn ít, cả 3 trường đều chưa có phòng học bộ môn dành cho môn Vật Lí, đây là điều khó khăn trong việc sinh hoạt tổ chuyên môn và xây dựng những câu lạc bộ Vật Lí.

2.2.2. Thực trạng quản lý dạy học môn Vật Lí ở các trường

Bảng 2.15: Các biện pháp quản lý hoạt động dạy học bộ môn Vật Lí của hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn (n = 43)

| TT | Nội dung | Mức độ thực hiện | | | | | Thứ bậc |
|----|----------------------------|------------------|------------|-----|---------|---|---------|
| | | Tốt | Trung bình | Yếu | Điểm TB | | |
| 1 | Công tác xây dựng đội ngũ. | 41 | 2 | 0 | 2,95 | 2 | |

| | | | | | | |
|----|---|----|---|---|------|---|
| 2 | Quản lý giờ dạy trên lớp và sinh hoạt tổ chuyên môn. | 39 | 3 | 1 | 2,88 | 4 |
| 3 | Quản lý thực hiện chương trình giảng dạy. | 42 | 1 | 0 | 2,98 | 1 |
| 4 | Quản lý giáo viên soạn bài, chuẩn bị bài. | 38 | 3 | 2 | 2,84 | 5 |
| 5 | Quản lý việc thực hiện hồ sơ cá nhân. | 39 | 4 | 0 | 2,91 | 3 |
| 6 | Quản lý tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên. | 34 | 7 | 2 | 2,74 | 7 |
| 7 | Quản lý hoạt động tự học của học sinh. | 33 | 8 | 2 | 2,72 | 8 |
| 8 | Quản lý hoạt động cải tiến phương pháp dạy học và sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên. | 35 | 7 | 1 | 2,79 | 6 |
| 9 | Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh. | 39 | 3 | 1 | 2,88 | 4 |
| 10 | Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị bộ môn. | 32 | 7 | 4 | 2,65 | 9 |

Từ kết quả trên ta thấy các biện pháp quản lý tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên, quản lý hoạt động tự học, quản lý hoạt động cải tiến phương pháp, chưa được hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn quan tâm đầu tư đúng mức, đây là một trong những biện pháp khá quan trọng để thúc đẩy việc tự học, tự nghiên cứu của giáo viên và học sinh, đặc biệt cơ sở vật chất phục vụ môn học vẫn thiếu thốn nhiều chưa đủ sức phục vụ công tác giảng dạy.

2.2.2.1. Thực trạng biện pháp xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên.

Bảng 2.16: Những cơ sở để phân công nhiệm vụ cho giáo viên (n= 43)

| TT | Những cơ sở để phân | Mức độ thực hiện | | | | |
|----|----------------------------------|------------------|------------|-----|---------|-----------|
| | | Tốt | Trung bình | Yếu | Điểm TB | Thực hiện |
| 1 | Năng lực của giáo viên | 40 | 3 | 0 | 2,93 | 1 |
| 2 | Chuyên ngành đào tạo | 38 | 4 | 1 | 2,86 | 3 |
| 3 | Điều kiện thực tế của nhà trường | 38 | 5 | 0 | 2,88 | 2 |
| 4 | Nguyện vọng của giáo viên | 34 | 8 | 1 | 2,77 | 5 |

| | | | | | | |
|---|-----------------------|----|---|---|------|---|
| 5 | Đề nghị của tổ bộ môn | 36 | 6 | 1 | 2,81 | 4 |
|---|-----------------------|----|---|---|------|---|

Qua bảng trên ta thấy những cơ sở để phân công giáo viên của 3 trường sử dụng khá hợp lý, 2 tiêu chí đứng đầu là cơ sở để Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào đó phân công công việc cho phù hợp với từng giáo viên.

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giáo viên

2.2.2.3. Thực trạng xây dựng nề nếp, nâng cao chất lượng giảng dạy môn Vật Lí.

Để hoạt động dạy học trong nhà trường đạt hiệu quả thì vấn đề xây dựng nề nếp giảng dạy của giáo viên và nề nếp học tập của học sinh là thật sự cần thiết, giữ vị trí quan trọng. Qua thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2.17: Thực trạng các biện pháp thực hiện nề nếp dạy học (n=43)

| STT | Nội dung | Mức độ thực hiện | | | | | Thứ bậc |
|-----|--|------------------|----|----------|---------|---|---------|
| | | Tốt | TB | Chưa tốt | Điểm TB | | |
| 1 | Thực hiện quy chế chuyên môn phải xây dựng nề nếp. | 41 | 2 | 0 | 2,95 | 1 | |
| 2 | Nề nếp giảng dạy quyết định chất lượng bộ môn. | 39 | 3 | 1 | 2.88 | 3 | |
| 3 | Bảo đảm nề nếp phải tăng cường kiểm tra. | 40 | 3 | 0 | 2,93 | 2 | |
| 4 | Nề nếp giảng dạy bộ môn đã tốt. | 20 | 5 | 18 | 2.05 | 4 | |

Kết quả thăm dò cho thấy nội dung thực hiện quy chế chuyên môn phải xây dựng nề nếp được giáo viên đánh giá cao, xếp thứ nhất. Chỉ có xây dựng được nề nếp dạy học nghiêm túc thì mới có thể nâng cao chất lượng dạy và học. Ta có thể quan sát thực trạng biện pháp quản lý nề nếp dạy học qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 2.1: Thực trạng biện pháp thực hiện nề nếp dạy học

Để hoạt động dạy học trong nhà trường đạt hiệu quả thì vấn đề xây dựng nề nếp quản lý giờ dạy trên lớp của giáo viên là rất quan trọng. Qua

thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý và giáo viên, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 2.18: Thực trạng quản lý giờ dạy trên lớp của giáo viên (n= 43)

| STT | Nội dung | Mức độ thực hiện | | | | | Thứ bậc |
|-----|---|------------------|------------|----------|-----------|---|---------|
| | | Tốt | Trung bình | Chưa Tốt | Điểm m TB | | |
| 1 | Tổ chức cho giáo viên học tập quy chế, nề nếp giảng dạy trên lớp. | 37 | 6 | 0 | 2,86 | 2 | |
| 2 | Tổ chức theo dõi kiểm tra thực hiện giờ dạy trên lớp. | 31 | 8 | 4 | 2,63 | 7 | |
| 3 | Giúp giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy. | 33 | 7 | 3 | 2,69 | 6 | |
| 4 | Xây dựng thời khoá biểu hợp lý, khoa học đảm bảo tính sư phạm. | 36 | 6 | 1 | 2,81 | 3 | |
| 5 | Tổ chức cho giáo viên học tập đánh giá xếp loại giờ lên lớp. | 38 | 5 | 0 | 2,88 | 1 | |
| 6 | Các hình thức tổ chức dự giờ thăm lớp, đánh giá xếp loại giờ dạy. | 34 | 7 | 2 | 2,74 | 4 | |
| 7 | Quản lý dạy bù, dạy thay của giáo viên. | 33 | 8 | 2 | 2,72 | 5 | |

Qua khảo sát ta thấy các giáo viên được hỏi ý kiến đều nhất trí: công tác tổ chức cho giáo viên học tập đánh giá xếp loại giờ dạy trên lớp và việc thực hiện giữ gìn nề nếp của cán bộ quản lý đã được đánh giá cao. Nếu Hiệu trưởng và Tổ trưởng tổ chuyên môn làm tốt công tác này, đánh giá xếp loại một cách chính xác, thi đua khen thưởng đúng người đúng việc sẽ tạo hiệu quả cao, đồng thời có được thông tin chính xác về trình độ, khả năng chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên.

Bảng 2.19: Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập môn Vật Lí của học sinh (n= 360)

| STT | Nội dung | Mức độ đồng ý | | | | Thứ bậc |
|-----|--|---------------|----------|--------------|-----------|---------|
| | | Đồng ý | Phân vân | Không đồng ý | Điểm m TB | |
| 1 | Học bài và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp. | 325 | 28 | 7 | 2,88 | 3 |

| | | | | | | |
|---|--|-----|----|----|------|---|
| 2 | Trong lớp trật tự nghe giảng và hăng hái phát biểu ý kiến. | 329 | 24 | 7 | 2,89 | 2 |
| 3 | Nghiêm túc khi làm bài kiểm tra. | 331 | 23 | 6 | 2,90 | 1 |
| 4 | Sử dụng dụng cụ học tập, mô hình Vật Lí . | 296 | 48 | 16 | 2,78 | 4 |

Qua khảo sát ta thấy các em học sinh đã nhận thức tốt việc đánh giá chính xác kết quả học tập. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu chứng tỏ các em đều kỳ vọng vào việc thầy cô cần đưa ra được kết quả học tập đúng với khả năng của các em. Ngoài ra các em đã ý thức rõ ràng hơn trong việc nghe giảng và công việc tự học ở nhà.

2.2.2.4. Thực trạng chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học môn Vật Lí

Bảng 2.20: Thực trạng nhận thức về đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên Vật Lí (34 giáo viên).

| STT | Nội dung | Mức độ đồng ý | | | | |
|-----|--|---------------|----------|--------------|---------|---------|
| | | Đồng ý | Phân vân | Không đồng ý | Điểm TB | Thứ bậc |
| 1 | Đổi mới phương pháp dạy học môn Vật Lí là rất cần thiết. | 30 | 4 | 0 | 2,94 | 2 |
| 2 | Phát huy tính tích cực của học sinh là phương pháp cần thiết cho giảng dạy môn Vật Lí. | 34 | 0 | 0 | 3,0 | 1 |
| 3 | Cần tăng cường sử dụng thiết bị dạy học. | 27 | 4 | 3 | 2,68 | 4 |
| 4 | Cần tăng cường sử dụng các phương tiện hiện đại vào giảng dạy Vật Lí. | 30 | 4 | 0 | 2,88 | 3 |

Trong số các giáo viên được hỏi hầu hết đều nhất trí phải đổi mới phương pháp dạy học môn Vật Lí. 100% giáo viên đồng ý rằng cần phát huy tính tích cực của học sinh, mục tiêu làm sao để các em phải tự làm việc khi không có thầy cô giáo bên cạnh. Đa số đều nhất trí với việc phải tăng cường sử dụng khai thác các phương tiện hiện đại để hỗ trợ giảng dạy.

2.2.2.5. Thực trạng quản lý hoạt động học tập môn Vật Lí của học sinh

Bảng 2.21: Thực trạng hứng thú học môn Vật Lí của học sinh

| STT | Nội dung | Mức độ hứng thú | | | | |
|-----|--------------------------------|-----------------|----------|--------------|-----------|---------|
| | | Đồng ý | Phân vân | Không đồng ý | Điểm m TB | Thứ bậc |
| 1 | Vật Lí là môn học khó. | 158 | 96 | 106 | 2,14 | 1 |
| 2 | Vật Lí là môn học bình thường. | 116 | 61 | 183 | 1,81 | 4 |
| 3 | Môn học thích học nhất. | 145 | 83 | 132 | 2.04 | 2 |
| 4 | Môn học ít hứng thú. | 102 | 112 | 146 | 1,88 | 3 |

Qua khảo sát 360 học sinh về mức độ yêu thích học tập môn Vật Lí ta thấy hầu hết các em đã xác định được đúng vai trò, vị trí, chức năng của môn Vật Lí trong các môn học. Thực tế cho thấy môn Vật Lí là môn học khó, không phải ai cũng học được môn Vật Lí nhưng các em đều có ý thức phải học Vật Lí.

Bảng 2.22: Thời gian học sinh dành cho học tập môn Vật Lí (n= 360)

| STT | Thời gian | Số lượng học sinh | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------|-------------------|-----------|
| 1 | Nhiều nhất | 187 | 51,9 |
| 2 | Trung bình | 161 | 44,7 |
| 3 | Ít nhất | 10 | 2,8 |
| 4 | Không | 2 | 0,6 |

Thực trạng trên cho thấy mặc dù Vật Lí là môn học khó nhưng các em học sinh đều đầu tư thời gian để học tập. Tuy nhiên do đặc thù bộ môn học sinh rất cần có sự hướng dẫn trực tiếp, tỉ mỉ của thầy cô vì vậy số lượng học sinh dành thời gian ở mức độ trung bình cho việc tự học Vật Lí vẫn còn cao, cần trang bị cho các em phương pháp học tập đúng đắn, để từ đó tạo cho các em sự hứng thú học tập môn Vật Lí.

2.2.2.6. Thực trạng công tác kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học

Bảng 2.23: Thực trạng quản lý kiểm tra học tập của học sinh (n=360)

| STT | Nội dung | Mức độ thực hiện | | | | |
|-----|----------|------------------|----|-----|---------|---------|
| | | Tốt | TB | Yếu | Điểm TB | Thứ bậc |

| | | | | | | |
|---|-----------------------------------|-----|----|----|------|---|
| 1 | Kiểm tra theo yêu cầu bộ môn | 343 | 13 | 4 | 2,94 | 1 |
| 2 | Kiểm tra đột xuất của giáo viên | 290 | 62 | 8 | 2,78 | 3 |
| 3 | Kiểm tra thường kỳ của BGH | 284 | 65 | 11 | 2,76 | 4 |
| 4 | Kiểm tra đột xuất của BGH | 262 | 83 | 15 | 2,69 | 5 |
| 5 | Đảm bảo nghiêm túc trong kiểm tra | 286 | 71 | 3 | 2,79 | 2 |

Bảng 2.24: Thực trạng quản lý kiểm tra việc giảng dạy của giáo viên
(34 giáo viên)

| STT | Nội dung | Mức độ thực hiện | | | | | Thứ bậc |
|-----|-----------------------------|------------------|----|-----|---------|---|---------|
| | | Tốt | TB | Yếu | Điểm TB | | |
| 1 | Kiểm tra hồ sơ giáo viên | 31 | 3 | 0 | 2,95 | 1 | |
| 2 | Kiểm tra theo chuyên đề | 20 | 9 | 5 | 2,44 | 4 | |
| 3 | Kiểm tra giảng dạy trên lớp | 22 | 9 | 3 | 2,56 | 3 | |
| 4 | Kiểm tra toàn diện | 30 | 3 | 1 | 2,85 | 2 | |

Qua bảng 2.24 ta thấy rằng: trong học tập của học sinh, các em đã nhận thức được việc kiểm tra đánh giá đang phản ánh đúng thực chất lực học. Việc kiểm tra đột xuất của Ban giám hiệu thực hiện chưa triệt để, chưa góp phần nâng cao nề nếp, ý thức học tập của học sinh.

2.2.2.7. Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học môn Vật Lí

Bảng 2.25: Thực trạng cơ sở vật chất dành cho tự học

| TT | Nội dung | Mức độ đồng ý | | | | | Thứ bậc |
|----|---|---------------|----------|--------------|---------|---|---------|
| | | Đồng ý | Phân vân | Không đồng ý | Điểm TB | | |
| 1 | Đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo. | 293 | 52 | 15 | 2,77 | 1 | |
| 2 | Thư viện nhà trường đáp ứng được yêu cầu đọc sách tham khảo của học sinh. | 162 | 68 | 130 | 2,09 | 4 | |
| 3 | Có góc học tập riêng. | 284 | 61 | 15 | 2,75 | 2 | |

| | | | | | | |
|---|--|-----|----|----|------|---|
| 4 | Đủ điều kiện tài chính để tham gia các lớp học thêm, nâng cao. | 278 | 47 | 35 | 2,68 | 3 |
|---|--|-----|----|----|------|---|

2.3. Đánh giá chung về dạy học và quản lý dạy học môn Vật Lí ở trường THPT quận Hoàng Mai

2.3.1. Những thành công

Các cấp quản lý đã chỉ đạo một cách sâu sát đến việc lên kế hoạch, thực hiện kế hoạch của tổ Vật Lí tương đối tốt, chú trọng quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí. Việc quản lý thực hiện chương trình đã được quan tâm đặc biệt là chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình dạy tự chọn môn Vật Lí, dạy học phân hóa.

2.3.2. Những hạn chế

Công tác bồi dưỡng đội ngũ chưa làm thường xuyên.

Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá mới dừng lại ở hình thức, chưa thực sự có chất lượng.

Biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí mới dừng lại ở một số khâu như quản lý chương trình, bồi dưỡng học sinh giỏi bên cạnh đó hoạt động kiểm tra đánh giá học sinh chưa làm thường xuyên, chưa có chiều sâu.

Các nhà trường chưa thực sự quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện dạy học hiện đại nên còn đầu tư dàn trải, không đồng bộ.

Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học chỉ cần tập trung ở một số chuyên đề nhất định, chưa áp dụng ở tất cả các lĩnh vực trong nhà trường.

2.3.3. Nguyên nhân

Về phía giáo viên: một bộ phận giáo viên chưa có phương pháp dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh có trình độ khác nhau, chưa thực sự quan tâm đến tất cả học sinh trong lớp mà chỉ chú trọng một số em học khá, giỏi.

Về phía học sinh: Nhiều học sinh còn “hổng”, “rỗng” kiến thức ở lớp dưới nên có tâm lý “sợ” môn Vật Lí.

Về phía nhà trường: kế hoạch chỉ đạo một số nội dung trong quản lý hoạt động dạy học chưa đồng bộ, chưa thường xuyên.

Tiểu kết chương 2

Qua khảo sát, phân tích số liệu và đánh giá thực trạng hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT quận Hoàng Mai và công tác quản lý hoạt động này, tác giả đã làm rõ những ưu, nhược điểm sau:

VỀ công tác quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT: việc phân công giảng dạy cho giáo viên ở các nhà trường đều đạt tiêu chí về trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm, phù hợp với nhiệm vụ và đặc điểm của năm học. VỀ hoạt động học tập của học sinh: nhìn chung học sinh có ý thức trong học tập, nhưng việc chuẩn bị bài, dành thời gian tự học chưa được chủ động, giáo viên chưa thực sự quan tâm đến việc bồi dưỡng phương pháp tự học cho học sinh.

VỀ cơ sở vật chất và phương tiện dạy học môn Vật Lí cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học môn Vật Lí một cách tối thiểu, tuy nhiên cơ sở vật chất cũng như phương tiện dạy học môn Vật Lí chưa đồng bộ, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức...

Kết quả khảo sát, phân tích và đánh giá ưu điểm và tồn tại của thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT quận Hoàng Mai trong chương 2 là căn cứ để xuất các biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí các trường THPT sẽ được trình bày trong chương 3.

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN VẬT LÍ Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI

3.1. Định hướng và các nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo quận Hoàng Mai

3.1.2. Các nguyên tắc đề xuất các biện pháp

3.1.2.1. Đảm bảo tính thực tiễn

3.1.2.2. Đảm bảo tính kế thừa

3.1.2.3. Đảm bảo tính hệ thống

3.1.2.4. Đảm bảo tính hiệu quả

3.2. Các biện pháp quản lý cụ thể

3.2.1. Biện pháp 1: Xây dựng kế hoạch dạy học hợp lý để thực hiện mục tiêu và chương trình dạy học môn Vật Lí

3.3.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Nhằm làm cho hoạt động dạy và học môn Vật Lí của trường phổ thông đi vào nề nếp, đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và đạt được mục tiêu giáo dục của môn học theo yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

3.2.1.2. Nội dung biện pháp

Trong xây dựng kế hoạch ta cần chú ý cả 3 cấp kế hoạch: Nhà trường, Tổ chuyên môn và cá nhân.

3.2.1.3. Cách thức tiến hành

- Thực hiện dân chủ hoá quá trình xây dựng kế hoạch.
- Trước khi bắt đầu năm học mới, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn họp tổ, thống nhất đưa ra chỉ tiêu đạt được trong năm học, dựa trên mục tiêu chung của nhà trường tổ trưởng chuyên môn cần nhắc đưa ra những yêu cầu, đề nghị với Ban giám hiệu nhà trường trong phân công chuyên môn nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy môn Vật Lí.
- Trước khi lập kế hoạch: Việc thu thập thông tin cần bắt đầu từ tổ chuyên môn, cha mẹ học sinh, học sinh, kết quả giảng dạy năm học trước, năng lực chuyên môn của giáo viên của trường, trong đó có giáo viên dạy Vật Lí, đặc biệt Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn cần nắm được thế mạnh riêng của mỗi giáo viên để từ đó phân công chuyên môn cho hợp lý, mang lại kết quả cao.
- Khi xây dựng kế hoạch: Tiến hành phân công chuyên môn cho hợp lý, khoa học. Chú ý đặc thù các khối lớp để phân công giáo viên, không nên để giáo viên chỉ dạy nguyên một khối lớp mà nên để giáo viên nắm được toàn bộ lượng kiến thức trong 3 năm của một học sinh, đồng thời thầy và trò đã hiểu nhau và thầy có thể biết rõ điểm mạnh và yếu của từng học sinh trong lớp mình phụ trách.

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện

Cần quán triệt từ cấp trường, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn có kế hoạch cụ thể, chi tiết trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học môn Vật Lí.

Hiệu trưởng căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của bộ, của sở giáo dục sẽ lập kế hoạch chung cho toàn trường, có mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, các tổ chuyên môn căn cứ vào đó sẽ xây dựng một kế hoạch cụ thể cho tổ của mình, từ đó các đồng chí giáo viên bộ môn sẽ lập kế hoạch giảng dạy theo phân phối chương trình và phương hướng nhiệm vụ chung của nhà trường.

3.2.2. Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và khả năng tự học của học sinh theo yêu cầu đổi mới

3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Xây dựng đội ngũ giáo viên Vật Lí giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, thành thạo về kỹ năng, kỹ xảo, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng của môn Vật Lí trong nhà trường phổ thông, theo đúng yêu cầu đổi mới.

3.2.2.2. Nội dung của biện pháp

1) Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên.

2) Bồi dưỡng nâng cao khả năng tự học của học sinh.

3.2.2.3. Cách thức tiến hành

1. Đối với việc bồi dưỡng giáo viên

Bồi dưỡng dài hạn và đào tạo nâng cao trình độ

2. Đối với việc nâng cao khả năng tự học của học sinh

Hiệu trưởng nhà trường thông qua tổ chuyên môn, giáo viên Vật Lí, giáo viên chủ nhiệm, kết quả học tập của học sinh về môn Vật Lí, để có những thông tin đầy đủ và chính xác về năng lực học tập môn Vật Lí của học sinh trong trường. Từ đó lập kế hoạch chỉ đạo quản lý chất lượng dạy, học đối với giáo viên và học sinh, hạn chế tối đa việc dạy thêm, quy định quỹ thời gian tối thiểu cho việc tự học ở nhà theo các nội dung trên.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Cán bộ quản lý và giáo viên cần nhận thức tầm quan trọng của việc tự học, tự tìm tòi bồi dưỡng là công việc thường xuyên, liên tục, suốt đời.

Học sinh phải có đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, đủ điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc tự học. Được giáo viên hướng dẫn lập kế hoạch tự học, tự đánh giá được kết quả tự học của mình.

3.2.3. Biện pháp 3: Xây dựng nề nếp dạy học môn Vật Lí theo quan điểm đổi mới

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Tạo nề nếp khoa học, hợp lý để nâng cao chất lượng dạy học, xây dựng nhà trường có độ ổn định cao về tổ chức hoạt động sư phạm, các thành viên trong trường có tinh thần tập thể, trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ dạy học.

3.2.3.2. Nội dung của biện pháp

1. Đối với giáo viên Vật Lí

Hiệu trưởng nhà trường theo dõi tổng quát, chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn theo dõi và báo cáo thường xuyên tình hình thực hiện chuyên môn của giáo viên, cùng nhau tháo gỡ những vướng mắc trong dạy Vật Lí, hướng dẫn uốn nắn, kiểm tra đôn đốc, làm cho giáo viên thực hiện tốt các khâu sau:

Nề nếp sinh hoạt chuyên môn của tổ: cần quy định cụ thể về các chuyên đề nghiên cứu chuyên môn sẽ thực hiện trong năm học, học kỳ.

Lập kế hoạch cá nhân: Thể hiện rõ mục đích, chỉ tiêu, biện pháp thực hiện, kế hoạch phải khoa học và có tính khả thi.

Chú ý tăng cường việc dự giờ thăm lớp, rút kinh nghiệm bài giảng, tổ trưởng chuyên môn cần lên kế hoạch và có lịch cụ thể việc dự giờ giáo viên Vật Lí, thông báo đến các thành viên trong tổ và Ban giám hiệu cùng dự.

3.2.3.3. Cách thức tiến hành

Đầu năm học hiệu trưởng triển khai đến toàn thể giáo viên và học sinh trong trường những quy định về nề nếp trong giảng dạy và học tập nói chung và môn Vật Lí nói riêng

3.2.3.4. Điều kiện thực hiện

Các quy định về nề nếp giảng dạy của giáo viên và nề nếp học tập của học sinh cần mang tính thực tế, khoa học và khả thi, đồng thời được xây dựng trên cơ sở thống nhất của hội đồng sư phạm và học sinh nhà trường.

3.2.4. Biện pháp 4: Chỉ đạo sát sao việc đổi mới phương pháp dạy học môn Vật Lí theo yêu cầu đổi mới giáo dục

3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Đổi mới phương pháp dạy học là một trong những yêu cầu của đổi mới giáo dục. Bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

3.2.4.2. Nội dung của biện pháp

Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn thay đổi cách soạn giáo án, chuyển trọng tâm từ thiết kế các hoạt động của thầy sang thiết kế hoạt động của trò, tăng cường giao tiếp thầy trò, mở rộng giao tiếp giữa trò với trò, giúp học sinh suy nghĩ hoạt động và thực hành nhiều hơn.

3.2.4.3. Cách thức tiến hành

Để tạo động lực cho việc đổi mới phương pháp dạy học, cán bộ quản lý cần phải:

- Quản lý việc xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học, trên cơ sở kế hoạch chung, dựa vào sự phân công của nhà trường, tổ chuyên môn..

- Hiệu trưởng xây dựng chuẩn đánh giá giờ dạy theo hướng đổi mới phương pháp, tổ chức học tập, thảo luận tiêu chuẩn đánh giá tiết dạy theo hướng đổi mới mà nhà trường đã xây dựng và ban hành. Hiệu trưởng cần bồi dưỡng và rèn luyện cho giáo viên Vật Lí các kỹ năng cơ bản về đổi mới phương pháp dạy học.

- Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng, tạo điều kiện về thời gian, tài liệu và định hướng vấn đề nghiên cứu một cách thiết thực.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện

Để thực hiện biện pháp tăng cường đổi mới phương pháp dạy học nói chung và môn Vật Lí nói riêng cần có điều kiện:

+ Cán bộ quản lý cùng toàn thể giáo viên Vật Lí nhà trường có nhận thức đầy đủ sâu sắc về tính cấp thiết phải đổi mới phương pháp dạy học. Việc đổi mới là yêu cầu bắt buộc, là con đường duy nhất để nâng cao chất lượng môn Vật Lí nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

+ Cán bộ quản lý cần có sự đầu tư, quản lý trang thiết bị phục vụ dạy học môn Vật Lí một cách hiệu quả.

+ Tăng cường kiểm tra đổi mới phương pháp dạy học, coi việc đổi mới phương pháp là công việc thường xuyên, trọng tâm suốt cả năm học.

3.2.5. Biện pháp 5: Sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học hiện có, chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Vật Lí

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Tăng cường xây dựng, đầu tư, quản lý và sử dụng thiết bị dạy học nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3.2.5.2. Nội dung của biện pháp

Trong việc giảng dạy môn Vật Lí, phòng học có gắn hệ thống âm thanh, máy chiếu rất cần thiết, bởi khi có sự hỗ trợ của các thiết bị hiện đại thì một tiết dạy Vật Lí sẽ trở nên sinh động không còn khô cứng, giúp học sinh hứng thú hơn khi học tập.

3.2.5.3. Cách thức tiến hành

Hiệu trưởng nhà trường xây dựng quy chế sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhiệm vụ đổi mới phương pháp dạy học môn Vật Lí, đồng thời xây dựng quy chế cho các phòng học chức năng như phòng máy tính, phòng học có máy chiếu, phòng thư viện. Đảm bảo cơ sở vật chất trường lớp đầy đủ, đồng bộ.

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện

Sự quan tâm đầu tư của Sở giáo dục và Đào tạo, của Nhà Nước về kinh phí cho việc tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, dụng cụ học tập.

3.2.6. Biện pháp 6: Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học môn Vật Lí

3.2.6.1. Mục tiêu của biện pháp

Kiểm tra đánh giá các hoạt động dạy học nhằm đánh giá đầy đủ và chính xác được các kết quả hoạt động dạy của giáo viên và kết quả hoạt động học của học sinh.

3.2.6.2. Nội dung của biện pháp

Kiểm tra hoạt động dạy của giáo viên: kiểm tra kế hoạch dạy học, bài soạn, chất lượng dạy, đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng thiết bị dạy học, bồi dưỡng phụ đạo học sinh, kiểm tra việc chấm, chữa bài, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Kiểm tra hoạt động học của học sinh: kiểm tra tinh thần thái độ học tập ở lớp, ở nhà, thực hiện nề nếp học tập, chất lượng lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, thái độ và kết quả học của học sinh.

3.2.6.3. Cách thức tiến hành

1. Kiểm tra hoạt động giảng dạy của giáo viên

2. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện

Hiệu trưởng lập kế hoạch kiểm tra, có nội dung kiểm tra và tiêu chuẩn kiểm tra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

3.4. Đánh giá mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Tiểu kết chương 3

Các biện pháp đề xuất được có mối quan hệ chặt chẽ và tác động tương hỗ lẫn nhau. Qua khảo sát, đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp, có thể khẳng định các biện pháp được đề xuất phù hợp với điều kiện các trường THPT quận Hoàng Mai nên đều cần thiết và khả thi.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu thu được, có thể rút ra các kết luận sau:

1.1. Trong nhà trường trung học phổ thông môn Vật Lí một có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng. Môn Vật Lí ngoài việc kiến tạo kiến thức, kỹ năng Vật Lí học phổ thông nó còn có tác dụng góp phần phát triển năng lực trí tuệ, giáo dục tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức và thẩm mỹ. Chất lượng dạy học môn Vật Lí đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản, nhưng trước yêu cầu đổi mới giáo dục thì chất lượng dạy học môn Vật Lí vẫn còn bất cập.

1.2. Các nội dung quản lý dạy học môn Vật Lí: quản lý mục tiêu và việc thực hiện chương trình môn học, quản lý hoạt động dạy của giáo viên, quản lý đổi mới phương pháp dạy học quản lý hoạt động học của học sinh, quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Vật Lí, quản lý thiết bị dạy học bộ môn Vật Lí.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học môn Vật Lí

Tác động của điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm tâm lý học sinh THPT, đội ngũ giáo viên dạy Vật Lí, đặc thù môn Vật Lí.

1.4. Thực trạng quản lý dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT quận Hoàng Mai

Về ưu điểm:

Chỉ đạo một cách sâu sát đến việc lên kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kế hoạch của tổ Vật Lí tương đối tốt, chú trọng quản lý hoạt động dạy học môn Vật Lí.

Về hạn chế:

Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá mới dừng lại ở hình thức chưa thực sự có chất lượng.

Nguyên nhân của những hạn chế: không ít giáo viên chưa có phương pháp dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh có trình độ khác nhau, chưa tích cực học hỏi, áp dụng cách kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh; kế hoạch chỉ đạo một số nội dung trong quản lý hoạt động dạy học chưa đồng bộ, chưa thường xuyên; công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học chưa liên tục...

1.5. Muốn quản lý tốt hoạt động dạy học môn Vật Lí ở các trường THPT cần thực hiện các biện pháp sau:

Biện pháp 1: Xây dựng kế hoạch dạy học hợp lý để thực hiện mục tiêu và chương trình dạy học môn Vật Lí

Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và khả năng tự học của học sinh theo yêu cầu đổi mới

Biện pháp 3: Xây dựng nề nếp dạy học môn Vật Lí theo quan điểm đổi mới

Biện pháp 4: Chỉ đạo sát sao việc đổi mới phương pháp dạy học môn Vật Lí theo yêu cầu đổi mới giáo dục

Biện pháp 5: Sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học hiện có, chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Vật Lí

Biện pháp 6: Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học môn Vật Lí

1.6. Các biện pháp của mỗi quan hệ chặt chẽ với nhau, đòi hỏi phải được thực hiện một cách đồng bộ mới phát huy được tác động của của các biện pháp đối với việc nâng cao chất lượng dạy học môn Vật Lí. Kết quả thăm dò ý kiến cán bộ quản lý cấp tổ và cấp trường cho thấy các biện pháp đều được đánh giá là cần thiết và có tính khả thi.

2. Khuyến nghị

2.1 Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tạo điều kiện để cán bộ quản lý các trường THPT, được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, được học tập các mô hình quản lý có hiệu quả trong quản lý dạy học môn học cụ thể ở trường THPT.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhất là các phương tiện dạy học hiện đại cho môn Vật Lí.

- Thường xuyên tổ chức hội thảo, chuyên đề đổi mới về phương pháp dạy học môn Vật Lí.

- Tham mưu và đề nghị với các cấp có thẩm quyền để điều chỉnh kịp thời những chế độ chính sách với giáo viên để tạo động lực cho các giáo viên dạy giỏi. Đặc biệt là những giáo viên có học sinh dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia, trong đó có giáo viên Vật Lí.

2.2 Đối với lãnh đạo các trường THPT

- Khuyến khích các phong trào hội thảo chuyên đề, viết đề tài sáng kiến kinh nghiệm, nhân rộng những mô hình câu lạc bộ Vật Lí học.

- Tạo điều kiện về kinh phí cũng như thời gian trong việc bồi dưỡng và tự bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ của giáo viên. Đặc biệt cần khuyến khích, động viên giáo viên tiếp tục theo học trình độ thạc sĩ. Có như vậy với mong chất lượng dạy học nói chung, chất lượng môn

học nói riêng được thay đổi, đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Đối với các giáo viên dạy Vật Lí ở các trường THPT quận Hoàng Mai

- Tích cực tham gia đầy đủ, có hiệu quả các đợt tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn do Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Tự tìm tòi, học hỏi, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.